TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:36/2017/HSST
Ngày:17/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thanh, cán bộ hưu trí.

Nơi làm việc: thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh, Phó chủ tịch hội nông dân.

Nơi làm việc: khối cơ quan dân vận huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:26/2017/HSST, ngày 26 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T,** Sinh năm:1983, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn a, xã ĐL, huyện ĐM, tỉnh ĐN. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hóa: 06/12. Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1955, hiện trú tại thôn a, xã ĐL, huyện ĐM, tỉnh ĐN. Bị cáo là con thứ 03 trong gia đình có 05 anh, chị, em. Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1982. (đã ly hôn). Bị cáo có 02 người con; người con lớn nhất sinh năm 2009, người con nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền sự: Ngày 27/12/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/10/2015, chấp hành xong và bị Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện trong thời hạn 12 tháng. Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố bị can, có mặt.

Người bị hại: ông Đoàn Xuân S, sinh năm 1949, có mặt.

Địa chỉ: TDP b thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh ĐN.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP b thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh ĐN.

- Anh Vi Xuân H, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP c, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh ĐN.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955, có mặt.

Địa chỉ: thôn d, xã ĐL, huyện ĐM, tỉnh ĐN.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 17/02/2017, do cần tiền mua ma túy để sử dụng, Nguyễn Văn T hẹn gặp Vi Xuân H (trú tại tổ dân phố c, thị trấn ĐM, huyện ĐM) tại quán nước ở trước cổng Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để mượn tiền nhưng Vi Xuân H nói không có. Biết gia đình chị Nguyễn Thị Th (trú tại tổ dân phố b, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh ĐN) có chiếc xe mô tô biển số 47K9 - 4165, nhãn hiệu Damsan (xe thuộc sở hữu của ông Đoàn Xuân S, trú cùng tổ dân phố mua lại của Ngô Văn H, trú tại thôn MY, xã ĐM, huyện ĐM, nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật) nên Nguyễn Văn T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy để cầm cố lấy tiền mua ma túy. Nguyễn Văn T hỏi Vi Xuân H tìm giúp chỗ cầm cố xe mô tô không có giấy tờ, đồng thời nhờ Vi Xuân H chở đi lấy xe thì được Vi Xuân H đồng ý (Nguyễn Văn T không cho Vi Xuân H biết việc Nguyễn Văn T sẽ thực hiện việc trộm cắp xe).

Đến khoảng 13 giờ 30 phút, cùng ngày, Vi Xuân H điều khiển xe mô tô biển số 63FK – 4007 chở Nguyễn Văn T về nhà chị Nguyễn Thị Th; trên đường đi, Nguyễn Văn T mượn của Vi Xuân H 10.000 đồng để mua xăng. Khi đến nơi, Nguyễn Văn T nói Vi Xuân H đứng đợi ở trước cổng nhà chị Nguyễn Thị Th, còn Nguyễn Văn T đi bộ đến vị trí dựng chiếc xe mô tô biển số 47K9 - 4165 ở bên hông nhà, đổ xăng vào xe rồi nổ máy nhưng không được nên nhờ Vi Xuân H vào xem giúp thì nổ được máy xe. Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 47K9 – 4165, còn Vi Xuân H điều khiển xe mô tô biển số 63FK – 4007 bỏ đi.

Sau đó, do không tìm được người cầm cố xe nên Vi Xuân H nói Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 47K9 – 4165 đến một phòng trọ thuộc tổ dân p, thị trấn ĐM, huyện ĐM để xe lại; còn Vi Xuân H điều khiển xe mô tô biển số 63FK – 4007 về nhà lấy 500.000 đồng đưa cho Nguyễn Văn T mượn. Nguyễn Văn T đưa cho Vi Xuân H 490.000

đồng để nhờ mua ma túy thì được Vi Xuân H đồng ý. Vi Xuân H gọi điện thoại liên lạc với một người tên X (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch), rồi một mình điều khiển xe mô tô biển số 63FK – 4007 đến khu vực trước quán cà phê TX thuộc tổ dân phố p, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh ĐN mua của X 490.000 đồng được 01 tép ma túy. Sau khi mua được ma túy, Vi Xuân H điều khiển xe về đưa ma túy cho Nguyễn Văn T rồi chở Nguyễn Văn T về nhà; trên đường đi, Vi Xuân H dừng xe ở khu vực đồi thông thuộc tổ dân phố p, thị trấn ĐM để cho Nguyễn Văn T sử dụng hết số ma túy. Đến khoảng 16 giờ 00 phút, cùng ngày, hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/HĐĐGTS ngày 03/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677 có giá trị còn lại là 2.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 50/CTr-VKS ngày 24/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù giam.

- Về trách nhiệm dân sự: chấp nhận bị cáo và gia đình bị cáo đã sửa chữa hư hỏng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165. Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại: xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677 cho ông Đoàn Văn S.

Tại phiên tòa, người bị hại có ý kiến: bị cáo và gia đình bị cáo đã khắc phục sửa chữa xe mô tô 47K9 – 4165, người bị hại không yêu cầu bồi thường, đồng thời cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên toà, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 17/02/2017, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677 của ông Đoàn Xuân S có giá trị là 2.250.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Đoàn Xuân S, tài sản không có người quản lý tài sản nên đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677, giá trị còn lại 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) với mục đích cầm cố để lấy tiền mua ma túy sử dụng trái phép cho cá nhân. Theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định: *" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."*. Như vậy, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Xét tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thừa biết việc xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, để có tiền để mua ma túy sử dụng trái phép của cá nhân, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 47K9 - 4165 của ông Đoàn Xuân S với giá trị tài sản 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Xét động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền để mua ma túy sử dụng trái phép.

Xét nhân thân bị cáo: ngày 27/12/2013, bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 24 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/10/2015, chấp hành xong và bị Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện trong thời hạn 12 tháng.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án thật tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời đây còn là bài học cho những ai có ý định trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của người khác.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo*:* phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và tài sản đã được thu hồi trả lại người bị hại; chưa có tiền án; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và đã tác động gia đình để tiến hành sửa chữa tài sản bị hư hỏng cho người bị hại. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thực sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại, đồng thời người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật nhà nước, tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa sai lầm. Bị cáo không có tình tiết nặng được quy định tại Điều 48 của BLHS. Nhưng cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo học tập cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo Nguyễn Văn T: bị cáo đã ly hôn với chị Hoàng Thị Th vào năm 2013, bị cáo Thiện đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng các cháu Nguyễn Hoàng Bảo Tr, sinh ngày 30/12/2009 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo V, sinh ngày 07/03/2011. Theo biên bản xác minh thì bị cáo hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị M (mẹ bị cáo), không có công việc ổn định, không có thu nhập, hiện đang sống phụ thuộc vào gia đình, bị cáo không có tài sản riêng. Do đó, HĐXX không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận bị cáo và gia đình bị cáo đã sửa chữa xe mô tô biển số 47K9 - 4165 bị hư hỏng cho người bị hại. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra để gải quyết.

Về vật chứng của vụ án*:* Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677 cho chủ sở hữu hợp pháp.

Trong vụ án này còn có những vấn đề sau:

- Đối với Vi Xuân H, do không biết chiếc xe nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677, là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý trước pháp luật.

- Đối với hành vi mua trái phép chất ma túy về sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn T và Vi Xuân H, do không có cơ sở xác định trọng lượng, loại chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý trước pháp luật.

- Đối với đối tượng tên X bán ma túy cho Vi Xuân H, do chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" .

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

2.1. Tuyên phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện sửa chữa xe mô tô biển số 47K9 – 4165 bị hư hỏng cho ông Đoàn Xuân S.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã trả xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển số 47K9 - 4165, số máy VHHLC1150FMG0008677, số khung VHHDCG013HH008677 cho ông Đoàn Xuân S (theo biên bản biên bản về việc trả lại tài sản vào ngày 12/5/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil với ông Đoàn Xuân S).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tphải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn mười lăm ngày kể tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở tư pháp tỉnh ĐắkNông;
-Phòng PV 27 công an tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Công an huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.